

Bản án số: 52/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 18-6-2024
V/v ly hôn, tranh chấp
về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Thế Chính.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Kim Lý.
- Bà Nguyễn Thị Thắm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 218/2024/TLST-HNGĐ ngày 12/3/2024 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/5/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 47/2024/QĐST-HNGĐ ngày 27/5/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1979.

Hộ khẩu thường trú: Ấp Đ, xã Đ, huyện T thành phố C; có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Trương Văn T2, sinh năm 1977.

Hộ khẩu thường trú; Ấp Đ, xã Đ, huyện T, thành phố C; tạm trú: Nhà trọ T, Đường N, Khu phố 3B, phường T, thành phố B, tỉnh B; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 06/3/2014 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, bà Huỳnh Thị T trình bày:

Sau thời gian tìm hiểu, bà Huỳnh Thị T và ông Trương Văn T2 tự nguyện tiến đến hôn nhân. Bà T và ông T2 có đăng ký kết hôn vào ngày 21/01/2005 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C (nay là huyện T), thành phố C. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc.

Khoảng năm 2016, vợ chồng bà T và ông T2 lên sinh sống tại phường M, thị xã (nay là thành phố) B, tỉnh B. Khoảng năm 2020, giữa bà T và ông T2 phát sinh nhiều mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Ông

T2 có hành vi phá tài sản chung trong gia đình và ông T2 còn đánh bà T. Bà T xác định không còn tình cảm với ông T2. Hiện tại, bà T và ông T2 không còn sống chung với nhau. Bà T nhận thấy tình cảm vợ chồng mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống nên bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn ông Trương Văn T2.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà Huỳnh Thị T và ông Trương Văn T2 có 03 con chung tên: Trương Thị Yến P, sinh năm 2000; Trương Thị Yến N, sinh năm 2002 và Trương Hoàng V, sinh ngày 15/4/2013.

Đối với con chung tên Trương Thị Yến P và Trương Thị Yến N đã đủ 18 tuổi nên bà Huỳnh Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với con chung tên Trương Hoàng V: Bà Huỳnh Thị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu V và không yêu cầu ông T2 phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Huỳnh Thị T và ông Trương Văn T2 sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Trương Văn T2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia giải quyết vụ án nhưng vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến.

- Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Huỳnh Thị T được ly hôn với ông Trương Văn T2.

Về con chung:

Đối với con chung tên Trương Thị Yến P và Trương Thị Yến N đã đủ 18 tuổi nên bà Huỳnh Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với con chung tên Trương Hoàng V: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu V con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông T2 phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Huỳnh Thị T không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bà Huỳnh Thị T yêu cầu ly hôn và giải quyết nuôi con chung với ông Trương Văn T2, đây là vụ án về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Ông Trương Văn T2 đang cư trú tại nhà trọ T, Đường NJ 20, Khu phố 3B, phường T, thành phố B, tỉnh B nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Ông Trương Văn T2 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia các phiên họp, hòa giải và phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Bà Huỳnh Thị T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị T và ông Trương Văn T2 tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 21/01/2005 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C (nay là huyện T), thành phố C, đây là hôn nhân hợp pháp.

[4] Bà Huỳnh Thị T cho rằng mâu thuẫn giữa bà T và ông T2 đã đến mức trầm trọng không thể hàn gắn, vợ chồng thường phát sinh nhiều mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung và bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Bà T xác định không còn tình cảm với ông T2. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành triệu tập họp lệ ông T2 tham gia tố tụng nhưng ông T2 luôn vắng mặt, điều đó cho thấy ông T2 không còn quan tâm đến việc hàn gắn tình cảm với bà T. Tại biên bản xác minh ngày 12/4/2024 thể hiện mâu thuẫn cụ thể giữa bà T và ông T2 thì chính quyền địa phương không rõ. Xét quan hệ hôn nhân phải được xây dựng trên tình yêu thương, trách nhiệm, nghĩa vụ, sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Bà T và ông T2 không tìm ra được tiếng nói chung, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu ly hôn với ông T2 là có cơ sở, cần được chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[5] Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà Huỳnh Thị T và ông Trương Văn T2 có 03 con chung tên: Trương Thị Yến P, sinh năm 2000; Trương Thị Yến N, sinh năm 2002 và Trương Hoàng V, sinh ngày 15/4/2013.

Đối với con chung tên Trương Thị Yến P và Trương Thị Yến N đã đủ 18 tuổi và bà Huỳnh Thị T không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Đối với con chung tên Trương Hoàng V đang sinh sống cùng với bà T. Để đảm bảo cuộc sống ổn định của con chung nên việc bà T yêu cầu Tòa án giao cháu V cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và bà T không yêu cầu ông T2 phải cấp dưỡng nuôi con chung là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Huỳnh Thị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Xét ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị T là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị T đối với ông Trương Văn T2 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị T được ly hôn với ông Trương Văn T2.

2. Về con chung:

Đối với con chung tên Trương Thị Yến Phương, sinh năm 2000 và Trương Thị Yến Ngọc, sinh năm 2002 đã đủ 18 tuổi nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Đối với con chung tên Trương Hoàng V: Giao cho bà Huỳnh Thị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ông Trương Văn T2 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Huỳnh Thị T và ông Trương Văn T2 đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung, không ai được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể giải quyết việc thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi đương sự có đơn yêu cầu theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Huỳnh Thị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000704 ngày 06/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã (nay là thành phố) Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Bến Cát;
- Chi cục THADS thành phố Bến Cát;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thế Chính